TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 01 năm 2019
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Ông Trần Quốc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Việt Xô – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 808/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đào Thị Ngọc H** – sinh năm 1990.
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau
Bị đơn: Anh **Đào Văn H** – sinh năm 1986.
Địa chỉ thường trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau
Chỗ ở hiện nay: Thôn 2, phường X, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, chị H, anh H có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Đào Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H sống chung năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K năm 2017. Hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàng gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có một người con chung là cháu Đào Thị Ngọc H – sinh ngày 25/9/2011, hiện cháu đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/01/2019 và tại phiên tòa, anh Đào Văn H xác định:

Về hôn nhân: Anh và chị H sống chung năm 2009, hôn nhân do anh tự nguyên không ép buộc, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K năm 2017. Hiện tại vợ chồng anh đã ly thân nhau. Trong quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm khó có thể hàn gắn được, anh chị không thường xuyên liên lạc với nhau do chị H đã bỏ đi không còn ở chung nhà với anh. Anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có một người con chung là cháu Đào Thị Ngọc H – sinh ngày 25/9/2011, hiện cháu đang sống cùng với chị H. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận với chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đào Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đào Văn H, cả hai đều có hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện tại của bị đơn là Thôn 2, phường G, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất chọn Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tiến hành giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Năm 2009, chị H và anh H sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh H. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị H nên Hội đồng xét xử xét thấy việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị Đào Thị Ngọc H và anh Đào Văn H có một người con chung là cháu Đào Thị Ngọc H – sinh ngày 25/9/2011. Hiện cháu H đang sống cùng với chị H. Chị H và anh H đều có nguyên vọng được nuôi dưỡng cháu H. Tuy nhiên, Tòa án có ghi nhận ý kiến cháu H và cháu có nguyện vọng sống với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và đúng với quy định của pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị H không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H, đây là ý chí tự nguyện của chị H nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H xác định tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng. Anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 14, 15, 16, 51, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 143,147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị Ngọc H được ly hôn với anh Đào Văn H.

2. *Về con chung*: Giao cháu Đào Thị Ngọc H – sinh ngày 25/9/2011 cho chị Đào Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đào Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Đào Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị Đào Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị có nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008972 ngày 06 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, chị Đào Thị Ngọc H không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự..

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT và THA
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.